

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST

Ngày 21-3-2018

V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 41/2017/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng gia công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Nhựa NB; địa chỉ trụ sở: 38/5A, ấp 4, xã NB, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh Đ, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Tấn T, sinh năm 1981; địa chỉ: 78A Đường X, tổ 4, khu phố 7, phường PH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 01/02/2018); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH KC; địa chỉ trụ sở: Số 17 Vsip II-A, đường số 24, khu công nghiệp VS II-A, xã VT, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ko, Yu-Wei, chức , chức vụ: Tổng giám đốc; có mặt.

3. *Người phiên dịch:* Bà Chạc Dénh L, sinh năm 1998; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH KC; địa chỉ trụ sở: Số 17 VS II-A, đường số 24, xã VT, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 12/12/2014, Công ty TNHH Nhựa NB có ký với Công ty TNHH QX nay được đổi tên là Công ty TNHH KC hợp đồng kinh tế số 20141212QX-NB, giá trị hợp đồng 269.500.000 đồng để công ty TNHH KC sản xuất khuôn hộp nhựa MDL 200 (Plastic box MDL 200 Mold). Phương thức thanh toán: Sau khi ký hợp đồng trong vòng 05 ngày thì Công ty TNHH Nhựa NB (bên A) phải đặt cọc cho Công ty TNHH KC (bên B) 30% của hợp đồng là 73.500.000 đồng, đợt 2 sau khi bên A xác nhận khuôn không vấn đề thì tiến hành chuyển tiếp 40% giá trị hợp đồng là 98.000.000 đồng. Số tiền kỳ cuối thanh toán khi bên A (Công ty TNHH Nhựa NB) đã xác nhận khuôn hoàn thiện, xuất hoá đơn giá trị gia tăng trong vòng 01 tháng chuyển khoản 61.250.000 đồng cho bên B (công ty TNHH TNHH KC), tháng tiếp theo chuyển khoản hết 12.250.000 đồng còn lại. Thực hiện hợp đồng, bên A đã chuyển khoản cho bên B số tiền đặt cọc 73.500.000 đồng theo ủy nhiệm chi cùng ngày 15/12/2014.

Sau khi nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn, bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận tại điều V của hợp đồng về thời gian làm khuôn, cụ thể là bên nguyên đơn không nhận được bản vẽ thành phẩm 3D, ngày thử khuôn lần đầu tiên, không bàn giao khuôn hoàn chỉnh từ bị đơn. Nguyên đơn đã liên hệ nhiều lần với bị đơn mà không được nên khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp đồng kinh tế số 20141212QX-NB ngày 12/12/2014 giữa công ty TNHH NB với công ty TNHH QX nay được đổi tên là Công ty TNHH KC và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền cọc đã nhận là 73.500.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp đồng kinh tế số 20141212QX-NB ngày 12/12/2014 và ủy nhiệm chi ngày 15/12/2014.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người KC Precision Industry trình bày: Thống nhất theo phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng kinh tế số 20141212QX-NB ngày 12/12/2014 với giá trị và nội dung hợp đồng, phương thức thanh toán như nguyên đơn đã trình bày. Sau khi ký hợp đồng ngày 15/12/2014, bị đơn có nhận được số tiền đặt cọc từ nguyên đơn 30% giá trị hợp đồng là 73.500.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền đặt cọc thì bị đơn đã gửi bản vẽ 3D qua địa chỉ email hthanhdoan@gmail.com cho bị đơn vào ngày 20/12/2014, cùng ngày 20/12/2014 vào lúc 15 giờ 20 phút thì bên bị đơn nhận được phản hồi email từ nguyên đơn là thống nhất theo mẫu 3D bị đơn đã gửi.

Sau khi nguyên đơn thống nhất mẫu 3D thì ngày 05/02/2015, bị đơn đã hoàn thành việc thử khuôn lần đầu tiên, bên nguyên đơn trực tiếp đến công ty để xác nhận khuôn thì yêu cầu bên bị đơn thay đổi kích thước khuôn. Sau đó, bên bị đơn có gửi email báo giá việc thay đổi kích thước theo yêu cầu của Công ty TNHH Nhựa NB, Công ty Nhựa NB có gọi điện thoại cho bị đơn phản hồi là giá

mắc nên không đồng ý, bên bị đơn có yêu cầu nguyên đơn thanh toán tiền phí thử khuôn mới thay đổi thiết kế khuôn nhưng bên công ty NB không thanh toán, bị đơn đã gửi email, thông báo về việc thực hiện hợp đồng làm khuôn cho nguyên đơn vào ngày 02/7/2015 nhưng vẫn không nhận bất cứ phản hồi nào từ Công ty NB. Do vậy, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý trả lại số tiền 30% của hợp đồng đặt cọc 73.500.000 đồng vì bị đơn không có vi phạm hợp đồng, mà nguyên đơn là người vi phạm hợp đồng vì theo hợp đồng sau khi bị đơn thử khuôn thì nguyên đơn phải thanh toán 40% giá trị tiếp theo của hợp đồng. Bị đơn phải bỏ ra chi phí để thử khuôn, số tiền này còn nhiều hơn số tiền cọc mà nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn. Bị đơn đồng ý không tiếp tục thực hiện hợp đồng ngày 12/12/2014 với nguyên đơn và không đồng ý trả lại số tiền 73.500.000 đồng vì bị đơn đã phải thử khuôn số tiền nhiều hơn tạm ứng nguyên đơn đã chuyển. Chứng cứ bị đơn cung cấp là các email trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:

- Về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất, ngày 12/12/2014, giữa Công ty TNHH Nhựa NB và Công ty TNHH QX nay được đổi tên là công ty TNHH KC ký kết hợp đồng kinh tế số 20141212QX-NB, thống nhất về nội dung của hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng thì ngày 15/12/2014, bị đơn có nhận được số tiền đặt cọc từ nguyên đơn 30% giá trị hợp đồng là 73.500.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ không có căn cứ xác định nguyên đơn đã thống nhất bản vẽ thành phẩm 3D theo như thỏa thuận tại điều V của hợp đồng đã ký kết bị đơn đã vi phạm hợp đồng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất ngày 12/12/2014 giữa công ty TNHH Nhựa NB và Công ty TNHH QC nay được đổi tên là công ty TNHH KC ký kết hợp đồng kinh tế số 20141212QX-NB, thống nhất về nội dung hợp đồng đã ký kết. Sau khi ký hợp đồng thì ngày 15/12/2014, bị đơn có nhận được số tiền đặt cọc từ nguyên đơn 30% giá trị hợp đồng là 73.500.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã không thực hiện theo đúng thỏa thuận tại điều V của hợp đồng về thời gian làm khuôn nên khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế đã ký kết và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền tạm ứng 30% giá trị hợp đồng đã nhận là 73.500.000 đồng.

Bị đơn cho rằng sau khi nhận 30% tạm ứng giá trị hợp đồng đã hoàn thành việc thử khuôn lần đầu tiên, bên nguyên đơn trực tiếp đến công ty để xác nhận khuôn thì yêu cầu bên bị đơn thay đổi kích thước khuôn. Sau đó, bên bị đơn có gửi email báo giá việc thay đổi kích thước theo yêu cầu của công ty TNHH Nhựa NB, Công ty Nhựa NB có gọi điện thoại cho bị đơn phản hồi là giá mắc nên không đồng ý, bên bị đơn có yêu cầu nguyên đơn thanh toán tiền phí thử khuôn mới thay đổi thiết kế khuôn nhưng bên công ty TNHH NB không thanh toán, bị đơn đã gửi email, thông báo về việc thực hiện hợp đồng làm khuôn cho nguyên đơn vào ngày 02/7/2015 nhưng vẫn không nhận bất cứ phản hồi nào từ Công ty Nhựa NB. Do vậy, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý chấm dứt hợp đồng, không đồng ý trả lại số tiền 30% của hợp đồng 73.500.000 đồng vì bị đơn không vi phạm hợp đồng.

Xét thấy, Công ty TNHH Nhựa NB và Công ty TNHH KC có xác lập hợp đồng kinh tế số 20141212QX-NB ngày 12/12/2014. Theo như nội dung hợp đồng được ký kết, thể hiện Công ty TNHH KC sản xuất khuôn hộp nhựa MDL 200 (Plastic box MDL 200 Mold), với tổng giá trị hợp đồng là 269.500.000 đồng gồm: Bản vẽ thành phẩm 3D, vật liệu, tiền công và phí máy móc thử khuôn, hạt nhựa thử khuôn do Công ty TNHH Nhựa NB cung cấp cho Công ty TNHH KC, hợp đồng đúng theo quy định tại Điều 179 Luật Thương mại. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã ứng cho bị đơn 30% giá trị hợp đồng là 73.500.000 đồng, đúng như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Theo thỏa thuận tại Điều V của hợp đồng thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận tạm ứng thì bên B (công ty TNHH KC) thiết kế khuôn trên bản vẽ 3D và trong vòng 35 ngày làm việc kể từ ngày bên A (Công ty TNHH Nhựa NB) duyệt bản vẽ 3D khuôn thì tiến hành thử khuôn lần đầu tiên và trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày thử khuôn lần đầu tiên, bên B bàn giao khuôn hoàn chỉnh.

Bị đơn cho rằng đã thực hiện đúng hợp đồng, chuyển bản vẽ 3D cho nguyên đơn vào ngày 20/12/2014 và nguyên đơn đã thống nhất theo bản vẽ 3D của bị đơn nên bị đơn tiến hành thử khuôn lần đầu tiên vào ngày 05/02/2015 nhưng do nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu bị đơn sửa chữa về kích thước khuôn nên không tiến hành bàn giao khuôn hoàn chỉnh theo hợp đồng đã ký kết. Nguyên đơn không đồng ý với lời trình bày của bị đơn, xác định chưa duyệt và nhận bản vẽ 3D, không có việc thử khuôn.

Xét, theo chứng cứ bị đơn cung cấp là email vào ngày 20/12/2014 thể hiện bị đơn có gửi mẫu 3D cho nguyên đơn và nguyên đơn có phản hồi “nếu không thay đổi gì thì căn cứ vào bản vẽ này làm”. Tuy nhiên, sau đó vào ngày 23/12/2014, bị đơn gửi mail cho nguyên đơn với nội dung có sửa một số chi tiết và thay đổi khuôn để hoàn thiện hơn chứ không thay đổi gì khác và nguyên đơn có phản hồi email với nội dung là bản vẽ không thể hiện tiếng Việt và nội dung trao

đôi không có câu từ nào trong email thể hiện nguyên đơn đã thống nhất với mẫu 3D mà bị đơn đã gửi. Như vậy, với chứng cứ bị đơn xuất trình thì không có căn cứ nào thể hiện nguyên đơn là người thay đổi bản vẽ 3D như bị đơn trình bày, bị đơn là người chỉnh sửa bản vẽ và nguyên đơn chưa thống nhất với sự thay đổi này. Đối chiếu với thỏa thuận tại Điều VI của hợp đồng là “Bên B tuân thủ các bản vẽ và thuyết minh do bên A đưa ra, nếu bên A không thông báo thay đổi bản vẽ bằng văn bản thì bên B sẽ dựa vào bản vẽ lúc đầu hai bên đã nhất mà tiến hành sản xuất và nếu trong quá trình làm thực tế có sự thay đổi thì hai bên có thể bàn bạc và thỏa thuận nhưng nhất thiết phải thông qua văn bản” thì bên bị đơn đã vi phạm hợp đồng là không tuân thủ các bản vẽ và thuyết minh do bên A đưa ra và bên B đã tự ý thay đổi bản vẽ khi không có sự thống nhất của bên A và không thông báo bằng văn bản cho bên A. Do vậy, lời trình bày của nguyên đơn xác định chưa duyệt bản vẽ 3D khuôn mẫu theo quy định tại điều V hợp đồng là có căn cứ.

Bị đơn cho rằng có việc tiến hành thử khuôn lần đầu và nguyên đơn yêu cầu thay đổi kích thước khuôn nên không bàn giao khuôn hoàn chỉnh cho nguyên đơn. Xét thấy, như trên đã phân tích, thỏa thuận đầu tiên của thời gian làm khuôn là thiết kế khuôn 3D hoàn chỉnh và được nguyên đơn duyệt, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh là có bàn giao bản vẽ 3D cho nguyên đơn và nguyên đơn duyệt bản vẽ 3D, không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc thử khuôn và chứng cứ chứng minh thỏa thuận bằng văn bản giữa hai bên về thay đổi kích thước khuôn. Mặt khác, theo chứng cứ do bị đơn xuất trình đó là thông báo về việc thực hiện hợp đồng làm khuôn ngày 02/7/2015 thể hiện ngày 05/02/2015 bị đơn đã sản xuất khuôn mẫu và tiến hành thử khuôn lần thứ nhất và quy cách hàng mẫu làm ra trùng khớp quy cách trong bản vẽ và quy cách không sai đồng thời bàn giao cho Công ty Nhựa NB xác nhận quy cách không sai nhưng trong quá trình Tổ tụng và tại phiên tòa bị đơn trình bày bên nguyên đơn trực tiếp đến công ty để xác nhận khuôn và yêu cầu bên bị đơn thay đổi kích thước khuôn nên chưa bàn giao khuôn cho Công ty TNHH NB. Như vậy, lời trình bày của bị đơn mâu thuẫn với chứng cứ do bị đơn xuất trình nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn cho rằng số tiền cọc 30% hợp đồng 73.500.000 đồng đã nhận phải trừ vào chi phí thử khuôn nên không đồng ý trả lại cho nguyên đơn. Xét thấy, trong hợp đồng không điều khoản nào thể hiện việc trừ tạm ứng vào phí thử khuôn trường hợp bên A không đồng ý với khuôn theo bản vẽ đã duyệt, đồng thời nguyên đơn, bị đơn xác định giá trị hợp đồng 269.500.000 đồng là giá trọn gói không tách riêng lẻ trừ phí nên bị đơn cho rằng khấu trừ số tiền tạm ứng vào chi phí thử khuôn là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, do bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế ngày 12/12/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 30% hợp đồng đã nhận là 73.500.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[2] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 92; Điều 147, , Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 179, 180, 181, 182 Luật Thương mại;
- Điều 547, 555 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Nhựa NB đối với Công ty TNHH KC.

1.1 Chấm dứt hợp đồng kinh tế số 20141212QX-NB ngày 12/12/2014 giữa Công ty TNHH NB đối với Công ty TNHH QC nay được đổi tên là Công ty TNHH KC.

1.2 Buộc Công ty TNHH KC trả lại cho Công ty TNHH Nhựa NB số tiền 73.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH KC phải chịu 3.675.000 (ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Nhựa NB số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013340 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01)
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết